

Bản án số: **44/2020/HC-PT**

Ngày: 11-5-2020

V/v: “*Yêu cầu hủy quyết định hành
chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng H An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 44/2019/TLPT-HC ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “*Yêu cầu hủy quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2019/HC-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 589/2020/QĐ-PT ngày 22/4/2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phan Thị Thu H, sinh năm: 1965;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C, sinh năm: 1959.

Cùng trú tại: quận H, thành phố Đà Nẵng. Đều có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Đà Nẵng

Địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố Đà Nẵng - thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Trung C - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền số 1609/UQ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2019). Có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Nguyễn

H, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị T. Trú tại: thành phố Đà Nẵng.
- Bà Phan Thị H1. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.
- Ông Phan Văn D. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị T, bà Phan Thị H1, ông Phan Văn D là bà Phan Thị Thu H, trú tại số quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4. Người kháng cáo:

1. Người khởi kiện: Bà Phan Thị Thu H.
2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Văn C là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Phan Thị Thu H trình bày:

Trước năm 1975, ông cố bà H đã cho ông bà nội bà H khu đất ở có diện tích 865m² tại thửa số 1052, tờ bản đồ số 1, tổ 3, K, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (nay là thửa số 18, tờ bản đồ số 36, tại tổ 3, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng). Sau ngày giải phóng, thực hiện kế hoạch kê khai theo Chỉ thị 299/TTg bà nội bà H là bà Trần Thị T1 đứng tên kê khai trong hồ sơ đất theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1998, thửa số 1052, diện tích 865m²; loại đất thổ cư (hồ sơ hiện nay lưu giữ tại UBND phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng). Qua thời gian sinh sống ông bà nội bà H qua đời, con cháu đi hoạt động Cách mạng, bà H2 và ông G hộ ở liền kề với ông bà nội bà H đã chiếm đoạt và kê khai với Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện H là đất khai hoang để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Tòa án tối cao đã khẳng định tại Công văn số 1323/TANDTC-DS ngày 21/9/2012 việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện H cho bà H2 và ông G là sai quy định pháp luật). Con cháu ông Phan C và Trần Thị T1 khởi kiện vợ chồng bà Hồ Thị H2 và ông G đòi lại đất. Ngày 13/3/2012 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Bản án số 24/2012/DS-PT buộc bà Hồ Thị H2 trả lại 565m² đất cho 05 hàng thừa kế (05 hộ) của ông C và bà T1, mỗi hộ có diện tích đất ở là 113m². Khu đất này nằm trong diện giải tỏa, UBND quận N đã có Quyết định thu hồi để bán cho tập đoàn SunGroup. Đến ngày 21/4/2016 Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 2476/QĐ-UBND hỗ trợ cho các hàng thừa kế của ông Phan

C và Trần Thị T1 50% giá đất ở cộng với giá đất trồng cây lâu năm (đơn giá 132.500/m²), bố trí 02 lô hộ chính cho hai hộ đường 7,5m khu tái định cư B. Gia đình bà H không đồng ý Quyết định số 2476/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng nên đã gửi đơn khiếu nại. Ngày 10/10/2018 Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 4571/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần 1) có nội dung: “Giữ nguyên Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết đối với trường hợp của ông Phan C và bà Trần Thị T1 (bà Phan Thị Thu H đại diện theo ủy quyền): “Hỗ trợ 50% giá đất ở cộng với giá đất trồng cây lâu năm hạng 1 đồng bằng diện tích 565m² và bố trí 2 lô chính đường 7,5m khu tái định cư B”.

Nay bà Phan Thị Thu H yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết: Hủy một phần Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 21/04/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng liên quan đến các hàng thừa kế của ông C và bà T1. Yêu cầu chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đền bù theo giá đất ở và bố trí tái định cư cho 5 hàng thừa kế (hộ) của ông C và bà T1 đúng theo nội dung Bản án số 24/2012/DS-PT ngày 13/03/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có hiệu lực pháp luật, vì: Theo Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 24/04/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng không đền bù theo giá đất ở mà chỉ hỗ trợ 50% giá đất ở cộng với giá đất trồng cây lâu năm hạng 1 đồng bằng là không đúng quy định của Luật Đất đai, vì đất của ông bà H đã đăng ký 299 loại đất thổ cư, hiện nay hồ sơ đất của ông bà còn lưu trữ tại UBND phường H. Theo khoản 2 Điều 3 Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND của UBND thành phố quyết định về quy định hạn mức đất ở thì toàn bộ diện tích của ông bà nội bà H là đất ở nên yêu cầu UBND thành phố phải đền bù theo giá đất ở.

UBND chỉ bố trí hai lô chính cho hai hộ đường 7.5m khu tái định cư là không đúng với nội dung Bản án số 24/2012/DS ngày 13/03/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật vì bản án đã phân chia đất cho 05 hộ, mỗi hộ có diện tích đất là 113m² và yêu cầu mỗi hộ liên hệ Ban giải tỏa đền bù để nhận tiền đền bù và đất ở tái định cư, Công văn số 301/CV-THA ngày 03/10/2012 của Chi cục Thi hành án quận N và Luật Đất đai (Khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai cũ và Khoản 3 Điều 100 của Luật Đất đai 2013).

Nếu khu đất của ông bà H, thành phố không thu hồi đất để bán cho tập đoàn SunGroup thì Chi cục Thi hành án quận N sẽ thi hành án thu hồi đất bà H2 và ông G phân chia cho 05 hộ của ông C và bà T1 mỗi hộ là 113m², diện tích đất

này được xác định quyền sở hữu của mỗi hộ và đương nhiên (theo khoản 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013) thành phố sẽ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mỗi hộ. Nay khu đất này bị thu hồi thì thành phố phải thực hiện đền bù và bố trí đất tái định cư cho mỗi hộ đúng theo quy định của Luật Đất đai.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng vắng mặt nhưng tại Văn bản số 1930/UBND-TTTP ngày 27/3/2019 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đã trình bày:

Về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất: Theo Bản án số 24/2012/DS-PT ngày 13/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố thì ông Nguyễn Văn G và bà Hồ Thị H2 phải trả lại diện tích đất 565m² trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/5/2004 (theo Giấy chứng nhận có 400m² đất ở và 1.278,1m² đất khuôn viên) cho các đồng thừa kế của ông Phan C và bà Trần Thị T1 (bà Phan Thị Thu H là người đại diện). Theo đó, phần diện tích đất do bà H đại diện nhận là nằm trong Giấy chứng nhận của ông G và bà H2. Trong nội dung Bản án số 24/2012/DS-PT ngày 13/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố có nêu Hội đồng thẩm định giá đất ngày 07/4/2011 đã định giá phần diện tích đất do bà H đại diện nhận là đất khuôn viên để làm cơ sở thi hành án phí dân sự. Theo hồ sơ giải tỏa của hộ ông Nguyễn Văn G và bà Hồ Thị H2 đã được UBND thành phố phê duyệt giải quyết bồi thường 100% giá đất ở cho diện tích 400m² và diện tích còn lại được bồi thường giá đất khuôn viên, hỗ trợ giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng.

Như vậy, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 về việc phê duyệt giải quyết đối với trường hợp của bà Phan Thị Thu H: Hỗ trợ 50% giá đất ở cộng với giá đất trồng cây lâu năm hạng 1 đồng bằng diện tích 565m² là phù hợp và đúng quy định tại Điều 8 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng), phù hợp với Bản án số 24/2012/DS-PT ngày 13/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố.

Về bố trí tái định cư: Theo Quyết định số 4856/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án Khu đô thị sinh thái, công viên văn hóa làng quê và quần thể du lịch sông nước thì trường hợp của đại diện các thừa kế của ông Phan C và bà Trần Thị T1

không được bố trí tái định cư. Tuy nhiên, UBND thành phố phê duyệt giải quyết bố trí 02 lô đất diện hộ chính đường 7.5m khu tái định cư B là đã xem xét đến hoàn cảnh gia đình và điều kiện thực tế của vụ việc, phù hợp với hiện trạng thực tế sử dụng đất; đúng quy định của UBND thành phố.

Từ những căn cứ nêu trên: Việc bà Phan Thị Thu H khiếu nại về việc bồi thường đất và bố trí tái định cư không đúng theo Bản án dân sự phúc thẩm số 24/2012/DS-PT ngày 13/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và đã được Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị Thu H, cụ thể: Giữ nguyên Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 về việc phê duyệt giải quyết đối với trường hợp ông Phan C và bà Trần Thị T1 (bà Phan Thị Thu H đại diện theo ủy quyền): Hỗ trợ 50% giá đất ở cộng với giá đất trồng cây lâu năm hạng 1 đồng bằng cho diện tích 565m² và bố trí 02 lô đất chính đường 7,5m khu tái định cư B. Không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Phan Thị Thu H yêu cầu bồi thường đất ở và bố trí 05 lô đất tái định cư cho các hàng thừa kế theo Bản án số 24/2012/DS-PT ngày 13/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Bà Phan Thị Thu H - người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T, bà Phan Thị H1, ông Phan Văn D trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2019/HC-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật tổ tụng Hành chính; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu H.

Tuyên hủy một phần Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố ban hành giải quyết hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án Khu đô thị sinh thái, công viên văn hóa làng quê và

quần thể du lịch sông nước tại phường H, quận N đối với hộ ông Phan C và bà Trần Thị T1 (bà Phan Thị Thu H làm đại diện) được giải quyết: Hỗ trợ 50% giá đất ở cộng với giá đất trồng cây lâu năm hạng 1 đồng bằng diện tích 565m² và bố trí hai lô chính đường 7,5m khu tái định cư B và hủy toàn bộ Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Thu H về việc buộc UBND thành phố Đà Nẵng phải bố trí 05 lô đất cho các đồng thừa kế của ông Phan C và bà Trần Thị T1 như Bản án số 24/2012/DS ngày 13/03/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tuyên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/11/2019 ông Huỳnh Đức Thơ, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, đại diện cho người bị kiện kháng cáo với nội dung bản án sơ thẩm tuyên hủy một phần Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố và hủy toàn bộ Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng là không đúng pháp luật, yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 04 /11/2019 bà Phan Thị Thu H là người khởi kiện kháng cáo với nội dung bản án sơ thẩm tuyên không buộc Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng bố trí 05 lô đất tái định cư cho những người thừa kế của ông C bà T1 là không đúng pháp luật. Bà yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phan Thị Thu H là người khởi kiện và là người kháng cáo giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo và không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng là người bị kiện, là người kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà H, hủy Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập đầy đủ, hợp lệ nhưng có đương sự đã có đơn xin

xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tổ tụng Hành chính. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc thu thập, xem xét đầy đủ các chứng cứ, tài liệu làm căn cứ giải quyết vụ án và đã quyết định bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà H và Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ, tài liệu nào mới là thay đổi nội dung vụ án, nên không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của bà H và Chủ tịch UBND Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về nguồn gốc đất mà người khởi kiện yêu cầu bồi thường, thấy rằng: Theo hồ sơ cũng như Bản án phúc thẩm dân sự số 24/2012/DS-PT ngày 13/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thể hiện: Trước năm 1975, ông Phan C và bà Trần Thị T1 sinh sống tại ngôi nhà tranh trên mảnh đất diện tích 865m², thửa đất số 1052, tờ bản đồ số 1 tại tổ 3 K, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Diện tích đất này được bà T1 kê khai theo Quyết định 299/TTg, thể hiện trong sổ Mục kê tại UBND phường H là đất thổ cư. Năm 1986, vợ chồng ông G bà H2 lấn chiếm toàn bộ diện tích đất trên của bà T1 rồi tự kê khai là đất khuôn viên đưa vào diện tích đất của gia đình ông G bà H2 để được cấp Giấy CNQSDĐ. Ngày 26/11/2007, Ủy ban nhân dân quận N ban hành quyết định thu hồi đất số 4455/QĐUB thu hồi 1.788,7m² đất của hộ ông Nguyễn Văn G và bà Hồ Thị H2 để thực hiện giải tỏa thuộc dự án Khu Đô thị sinh thái, công viên văn hóa làng quê và quần thể du lịch sông nước phường H. Trong quá trình thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư thì đã xảy ra tranh chấp giữa hộ ông G bà H2 và các đồng thừa kế của bà Trần thị T1. Ngày 13/3/2012 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Bản án phúc thẩm dân sự số 24/2012/DS-PT đã quyết định: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn G bà Hồ Thị H2, ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị Kim N phải trả cho các thừa kế của ông Phan C và bà Trần Thị T1 gồm các ông bà Phan Thị T, Phan Thị Thu H, Phan Thị H1, Phan Văn D diện tích 565m² thửa đất số 18, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại tổ 03 K,

H, N, Đà Nẵng, cụ thể: Bà T, bà H, bà H1, ông D và nhà thờ tộc Phan mỗi phần được 113m², phần nhà thờ giao cho bà H quản lý.

[2] Xét kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì không đúng pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 21/4/2016 Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 2476/QĐ-UBND về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư cho hộ ông Nguyễn Văn G và bà Hồ Thị H2 và các đồng thừa kế của bà Trần Thị T1. UBND thành phố Đà Nẵng căn cứ vào Giấy CNQSDĐ của hộ ông G bà H2 đã bị thu hồi để xác định phần đất của bà T1 là đất khuôn viên là không chính xác. Bởi lẽ: Bản án phúc thẩm đã nhận định hành vi lấn chiếm đất của vợ chồng ông G là trái pháp luật nên đã buộc vợ chồng ông G trả lại đất cho các đồng thừa kế của bà T1. Như vậy diện tích đất của bà T1 được xác định trong Giấy CNQSDĐ của vợ chồng ông G là loại đất khuôn viên là trên cơ sở kê khai không chính xác của ông G. Mặt khác vì diện tích đất mà ông G kê khai để làm GCNQSDĐ lúc đó có diện tích 1.678,1m² nên khi cấp GCNQSDĐ thì hạn mức đất ở theo quy định cho hộ ông G chỉ là được cấp 400m² đất ở còn lại, 1.278,1m² là đất khuôn viên. Vì vậy mà diện tích đất của bà T1 khi được nhập vào trong GCNQSDĐ của ông G chỉ được xác định là đất khuôn viên chứ không được xác định là đất ở mặc dù nguồn gốc đất của bà T1 được kê khai là đất thổ cư. Căn cứ Điều 50 Luật đất đai năm 2003, Điều 45, Nghị định 181/2004 ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai thì diện tích đất của bà T1 được kê khai 299 phải được xác định là đất ở và khi làm GCNQSDĐ không phải nộp tiền sử dụng đất. Vì vậy, việc UBND thành phố Đà Nẵng xác định loại đất đã thu hồi của bà T1 là loại đất khuôn viên là không đúng với nguồn gốc đất của bà T1, nên đã ban hành quyết định bồi thường và hỗ trợ tái định cư không đúng. Căn cứ Điều 6 Nghị định số 197/2004 ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường và hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và Điều 4 Quyết định số 63/2012 ngày 20/12/2012 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã quy định: Nhà nước thu hồi đất của người đang sử dụng vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng. Vậy UBND thành phố Đà Nẵng đã thu hồi của bà T1 diện tích đất 565m² đất là loại đất ở thì phải được bồi thường theo giá đất ở theo quy định tại Điều 5 của Quyết định số 36/2009 ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà

nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Nên việc UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 2476/QĐ- UBND ngày 21/4/2016 Bồi thường giá đất khuôn viên cho hộ ông Phan C và Trần Thị T1 với giá đất khuôn viên bằng 50% giá đất ở cộng với giá đất trồng cây lâu năm (đơn giá 132.500/m²) theo Điều 37 quyết định số 36/2009 ngày 24/12/2009 là không đúng quy định ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà T1. Căn cứ theo quy định tại Quyết định số 4856/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc “Phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án Khu đô thị sinh thái Công viên văn hóa làng quê và quần thể du lịch sông nước” quy định về Bố trí tái định cư như sau: *“Hộ có diện tích đất ở, đất khuôn viên bị thu hồi trên 300m² thì được bố trí 01 lô đất diện hộ chính đường 10,5m. Nếu thu hồi thêm 01 hạn mức công nhận đất ở thì cứ mỗi hạn mức được bố trí thêm 01 lô nhưng không quá 5 lô* . Như vậy, đất của hộ bà T1 được thu hồi có diện tích 565m² là đất ở mà UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 4856/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 bố trí tái định cư cho hộ bà T1 02 lô đất đường 7,5 m là chưa đúng với phương án phê duyệt và bố trí tái định cư. Vì vậy Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc bồi thường giá đất và bố trí tái định cư cho hộ bà Trần Thị T1 là không đúng với các quy định của Luật đất đai và không đúng với các quy định của UBND thành phố Đà Nẵng quy định về việc thu hồi, hỗ trợ và bố trí tái định cư khi thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đối với phần bồi thường và bố trí tái định cư cho hộ ông Phan C và bà Trần Thị T1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Nên kháng cáo của UBND thành phố Đà Nẵng yêu cầu hủy án sơ thẩm là không có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm tuyên hủy Quyết định số 4571/QĐ-UBND không đúng pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng: Vì do các đồng thừa kế của bà T1 không đồng ý với nội dung Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc bồi thường và bố trí tái định cư cho hộ bà T1 nên đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, nên ngày 10/10/2018, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 4571/QĐ-UBND với nội

dung là không chấp nhận đơn khiếu nại của các đồng thừa kế của bà T1, giữ nguyên Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng. Vì Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc bồi thường hỗ trợ tái định cư đã vi phạm các quy định của pháp luật đất đai ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ gia đình bà T1 nên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 4571/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng cũng có nội dung không đúng với quy định của pháp luật. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc cầu hủy Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc cho rằng bản án sơ thẩm hủy một phần Quyết định số 2476/QĐ-UBND, nhưng lại hủy toàn bộ Quyết định số 4571/QĐ-UBND là không đúng pháp luật. HĐXX thấy rằng: Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc bồi thường và bố trí tái định cư cho hộ bà T1 và cho cả các hộ khác, còn Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 là quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung là không chấp nhận đơn khiếu nại của các đồng thừa kế của ông C bà T1. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc cầu hủy một phần Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đối với phần bồi thường và bố trí tái định cư cho hộ ông Phan C và bà Trần Thị T1 và hủy toàn bộ Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) cho các thừa kế của ông C bà T1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của bà Phan Thị Thu H về việc buộc UBND thành phố Đà Nẵng phải bố trí 5 lô đất cho các đồng thừa kế. HĐXX thấy rằng: Theo quyết định của Bản án phúc thẩm dân sự số 24/2012/DS-PT ngày 13/3/2012 đã tuyên các đương sự liên hệ với Ban giải tỏa đền bù thành phố Đà Nẵng để nhận tiền đền bù và đất tái định cư, bản án không tuyên buộc Ban giải tỏa đền bù thành phố Đà Nẵng phải bố trí 05 lô đất tái định cư. Do đó, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật UBND thành phố Đà Nẵng sẽ căn cứ vào Bản án phúc thẩm dân sự số 24/2012/DS-PT ngày 13/3/2012 và các quy định của pháp luật về việc bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư để bồi thường và bố trí tái định cư cho các đồng thừa kế của ông C bà T1 theo đúng quy định của pháp luật. Nên yêu cầu của bà H buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phải bố trí 5 lô đất cho các

đồng thừa kế của ông C bà T1 là không có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Phan Thị Thu H và Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

1/ Bác kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng và bà Phan Thị Thu H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2019/HC-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật tổ tụng Hành chính; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2/ Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần khởi kiện của Phan Thị Thu H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định 2476/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án Khu đô thị sinh thái, công viên văn hóa làng quê và quần thể du lịch sông nước, tại phường H, quận N đối với hộ ông Phan C và bà Trần Thị T1 (bà Phan Thị Thu H làm đại diện) được giải quyết: Hỗ trợ 50% giá đất ở cộng với giá đất trồng cây lâu năm hạng 1 đồng bằng diện tích 565m² và bố trí hai lô chính đường 7,5m khu tái định cư B và hủy toàn bộ Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Thu H về việc buộc UBND thành phố Đà Nẵng phải bố trí 05 lô đất cho các đồng thừa kế của ông Phan C và bà Trần Thị T1 như Bản án số 24/2012/DS ngày 13/03/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

3/ Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng và bà Phan Thị Thu H, mỗi bên đương sự phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm. Các đương sự đã tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ theo biên lai số 1982 ngày 26/11/2019 và biên lai số 1966 ngày 08/11/2019 của C Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (các đương sự đã nộp đủ tiền án phí hành chính phúc thẩm).

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/5/2020).

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- C thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Trường